

Số: 03/QĐ-KTHT&ĐT

Quan Triều, ngày 08 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai tình hình thực hiện dự toán năm 2025  
Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Quan Triều

### PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG QUAN TRIỀU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền phòng năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND phường Quan Triều về việc giao dự toán ngân sách nhà nước phường Quan Triều năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND phường Quan Triều về việc cấp bổ sung kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh chuyển về cho các phòng, đơn vị để thực hiện chế độ chính sách theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 4);

Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND phường Quan Triều về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước phường Quan Triều năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND phường Quan Triều về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả mưa lũ gây ra (đợt 2)

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND phường Quan Triều về việc trích nguồn ngân sách tỉnh chuyển về để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND phường Quan Triều về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 phường Quan Triều;

Xét đề nghị của Chuyên viên phụ trách kế toán phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Quan Triều;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán năm 2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Quan Triều (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chuyên viên Phụ trách kế toán phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Quan Triều và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo phòng;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

TRƯỞNG PHÒNG



Lưu Anh Cảnh

Quan Triều, ngày 08 tháng 01 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Quan Triều công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2025 như sau:

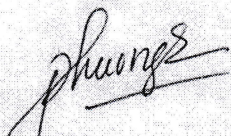
ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>18.867.256.843</b>	<b>12.726.754.961</b>	<b>67,45%</b>	
1	Chi quản lý hành chính	5.869.116.100	5.868.261.623	99,99%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.327.910.000	1.327.897.174	100,00%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.541.206.100	4.540.364.449	99,98%	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	<b>18.104.400</b>	<b>18.104.400</b>	<b>100,00%</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.104.400	18.104.400	100,00%	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>12.980.036.343</b>	<b>6.840.388.938</b>	<b>52,70%</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.980.036.343	6.840.388.938	52,70%	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 08 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Phương

TRƯỞNG PHÒNG



Lưu Anh Cảnh